

Số: **25**/2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **12**-tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ
Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển
khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm
vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học
và công nghệ cấp quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc kiểm tra, đánh giá, điều
chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và
công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày
22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công
nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí
đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày
30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Tài
chính Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng
ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công
nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp
quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*



Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 740/TTr-SKHCN ngày 10/8/2018 về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2018 và thay thế Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành vẫn được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Khoa học và Công nghệ);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP (VX), các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc403}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2572018/QĐ-UBND
ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ (viết tắt là KH&CN); tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện; quản lý kinh phí; kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện, tham gia thực hiện, tham gia quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước là những vấn đề cần được KH&CN giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bao gồm: Chương trình KH&CN cấp tỉnh; đề án khoa học cấp tỉnh; đề tài KH&CN cấp tỉnh; dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; dự án KH&CN cấp tỉnh; nhiệm vụ KH&CN tiềm năng cấp tỉnh.

a) Chương trình KH&CN cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề KH&CN phục vụ phát triển và ứng dụng KH&CN trung hạn hoặc dài hạn thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án KH&CN;

b) Đề án khoa học cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh;

c) Đề tài KH&CN cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN được xây dựng dựa trên cơ sở yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phương hướng, mục tiêu, nhiệm

vụ, chương trình, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực tiễn công tác quản lý nhà nước, phát triển KH&CN của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh;

d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN phù hợp với phạm vi quản lý của UBND tỉnh nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống;

đ) Dự án KH&CN cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN giải quyết các vấn đề KH&CN chủ yếu phục vụ phát triển sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh;

e) Nhiệm vụ KH&CN tiềm năng cấp tỉnh là đề tài KH&CN, dự án KH&CN cấp tỉnh tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề KH&CN đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm của tỉnh.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước là nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN của cơ sở do Thủ trưởng cấp cơ sở phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện.

Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: Đề tài KH&CN cấp cơ sở và dự án KH&CN cấp cơ sở.

a) Đề tài KH&CN cấp cơ sở là nhiệm vụ KH&CN được xây dựng dựa trên cơ sở yêu cầu thực tiễn công tác quản lý nhà nước và phát triển KH&CN các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

b) Dự án KH&CN cấp cơ sở là nhiệm vụ KH&CN giải quyết các vấn đề KH&CN chủ yếu phục vụ phát triển sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, địa phương thuộc phạm vi quản lý của ngành, UBND các huyện, thành phố.

3. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN là các yêu cầu đặt ra dưới dạng nhiệm vụ KH&CN nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển KH&CN trên địa bàn do các địa phương, đơn vị đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đặt hàng cho tổ chức, cá nhân thực hiện.

4. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là việc UBND tỉnh lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí tại Quy định này.

5. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là việc UBND tỉnh chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí tại Quy định này.

6. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là việc thủ trưởng của cơ sở chỉ định tổ chức, đơn vị và cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí tại Quy định này.

7. Thủ trưởng cấp cơ sở là Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (đối với ngành); là Chủ tịch UBND các huyện, thành phố (đối với cấp huyện).

8. Bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cơ sở là phòng chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố được giao chức năng, nhiệm vụ theo dõi, quản lý hoạt động KH&CN.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi của tỉnh;

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực KH&CN của tỉnh (nhân lực KH&CN hoặc nguồn tài chính) hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề KH&CN đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển KH&CN;

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài cấp tỉnh

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: Có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở tỉnh Quảng Ngãi; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng;

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm KH&CN đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại tỉnh Quảng Ngãi hoặc trong nước thông qua các công bố trong nước có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

d) Thời gian thực hiện đề tài cấp tỉnh tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án sản xuất thử nghiệm (DASXTN) cấp tỉnh

a) Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện;

d) Thời gian thực hiện DASXTN cấp tỉnh tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Yêu cầu riêng đối với đề án khoa học cấp tỉnh

a) Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

b) Thời gian thực hiện đề án KH&CN cấp tỉnh không quá 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Yêu cầu riêng đối với dự án KH&CN cấp tỉnh

a) Giải quyết vấn đề KH&CN phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển KH&CN của ngành, lĩnh vực;

c) Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách;

d) Thời gian thực hiện dự án KH&CN cấp tỉnh tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

6. Yêu cầu riêng đối với chương trình KH&CN cấp tỉnh

a) Mục tiêu tạo ra kết quả KH&CN phục vụ một trong những định hướng lớn sau: Phát triển tiềm lực KH&CN trong một hoặc một số lĩnh vực; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực hoặc phục vụ chương trình, mục tiêu của tỉnh;

b) Nội dung bao gồm những nhiệm vụ KH&CN có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực KH&CN trong tỉnh;

c) Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình;

d) Thời gian thực hiện Chương trình KH&CN cấp tỉnh tối đa không quá 05 năm tính từ thời điểm phê duyệt, trong đó thời gian thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cụ thể phải phù hợp với quy định đối với từng loại nhiệm vụ.

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có tính mới, tính khả thi và giải quyết các vấn đề cấp thiết của cơ sở cũng như nhân rộng các mô hình đã thành công từ các đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu phát triển KH&CN của cơ sở.

2. Nhiệm vụ KH&CN phải phù hợp với định hướng của cơ sở; có kế hoạch và phương án nguồn lực khả thi, phù hợp để ứng dụng, nhân rộng kết quả thành công của nhiệm vụ.

3. Hồ sơ đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức, khả năng phối hợp thực hiện hiệu quả, dự kiến kết quả, sản phẩm đạt được, phương pháp nghiên cứu phù hợp và cụ thể.

4. Sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải là luận cứ khoa học, cơ sở để xây dựng định hướng của cơ sở hoặc phát triển các sản phẩm như: Giống mới, công nghệ, quy trình, mô hình ứng dụng đáp ứng các nhu cầu sản xuất và đời sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

5. Thời gian thực hiện không quá 24 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ; trường hợp đặc biệt do thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, quyết định.

Điều 5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất

1. Khi phát sinh nhiệm vụ KH&CN đột xuất do Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao, đơn vị được giao có nhiệm vụ gửi hồ sơ (theo quy định) về Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Nhiệm vụ KH&CN đột xuất phục vụ công tác quản lý nhà nước được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ KH&CN đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch KH&CN của năm. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN; có năng lực tổ chức, liên kết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trước đây;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn, vị trí công tác phù hợp với nội dung nhiệm vụ KH&CN và ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

Trường hợp đặc biệt khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c khoản này do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:



a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Điều kiện đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là các tổ chức có tư cách pháp nhân; có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ; có năng lực tổ chức, liên kết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trước đây;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác theo đúng lĩnh vực hoặc tương đương chuyên môn của đề tài, dự án đăng ký chủ trì thực hiện.

Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ xét duyệt nhiệm vụ đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, cấp tỉnh khác;

b) Có đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu từ 30 ngày đến 06 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của đơn vị cấp cơ sở sẽ không được tham gia đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án trong thời gian 01 năm;

c) Có đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở đã đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký chủ nhiệm trong vòng 01 năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở;

d) Cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án KH&CN các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện, truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Mục 1

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 8. Căn cứ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

1. Nghị quyết của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch hoạt động KH&CN giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hoặc thực tiễn công tác quản lý nhà nước của tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

3. Những vấn đề KH&CN quan trọng nhằm giải quyết những nhiệm vụ của tỉnh về đối ngoại, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, nội chính, thiên tai, dịch bệnh và phát triển KH&CN hoặc các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

Điều 9. Nguyên tắc xác định đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết, giải quyết các vấn đề KH&CN và có tầm quan trọng đối với sự phát triển của ngành, địa phương; kết quả tạo ra có ý nghĩa đối với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi của tỉnh.

2. Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện tại địa phương.

3. Có địa chỉ ứng dụng cụ thể cho các kết quả chính tạo ra. Các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp ứng dụng kết quả dự kiến có đủ năng lực và uy tín để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Đáp ứng nội dung quy định tại Điều 3 Quy định này đối với từng loại nhiệm vụ KH&CN.

Điều 10. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp và thông báo trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://skh.quangngai.gov.vn>) về định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh và thời hạn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh gửi đề xuất nhiệm vụ KH&CN.

2. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN của các tổ chức, cá nhân được thực hiện theo mẫu (vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

3. Định kỳ hàng năm, trước ngày 30 tháng 5, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, đánh giá sơ bộ về tính cấp thiết và tính khả thi của đề xuất đặt hàng; tổng hợp tất cả các nhiệm vụ KH&CN do các tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng theo từng lĩnh vực để trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN.

Điều 11. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng tư vấn) theo chuyên ngành KH&CN phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành KH&CN.

2. Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần) và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và 01 ủy viên thư ký Hội đồng. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng tư vấn là người có chuyên môn phù hợp, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Trong đó ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu làm ủy viên phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

3. Đối với các đề xuất đặt hàng phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền và phải có đủ 02 ủy viên phản biện và Thư ký khoa học của Hội đồng.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm nghiên cứu trước tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng (Mẫu Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng vận dụng mẫu ban

hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

3. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

4. Trên cơ sở kết quả phiếu đánh giá của các thành viên, nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng tư vấn đề nghị đưa vào danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu "đề nghị thực hiện".

Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc mời chuyên gia cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ; biểu quyết để sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng.

5. Đối với các nhiệm vụ đề nghị "không thực hiện", Hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.

6. Thư ký lập biên bản làm việc của Hội đồng (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 13. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN

1. Trên cơ sở danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được Hội đồng tư vấn thống nhất biểu quyết thông qua, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả danh mục nhiệm vụ KH&CN trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://skh.quangngai.gov.vn>).

Mục 2

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 14. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Nguyên tắc chung:

a) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, công bằng; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và các

phương tiện thông tin đại chúng, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN được đánh giá thông qua hoạt động của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm được quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về việc tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

c) Danh mục các nhiệm vụ KH&CN, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Thông báo trực tiếp đến một số tổ chức, cá nhân có khả năng đăng ký tham gia tuyển chọn.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp

Đối với các nhiệm vụ KH&CN được giao trực tiếp phải đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ và đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 15. Hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được vận dụng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện. Thời hạn và địa chỉ nộp hồ sơ theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác (trường hợp tuyển chọn) và bằng văn bản (trường hợp giao trực tiếp).

Điều 16. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 07 ngày làm việc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ mở hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp (sau đây gọi tắt là Tổ), có trách nhiệm:

a) Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của đại diện các cơ quan liên quan, đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, kiểm tra các thông tin liên quan đến quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 6, Điều 15 Quy định này.

3. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức nộp hồ sơ đối với hồ sơ không hợp lệ.

Điều 17. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần) và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và 01 ủy viên thư ký khoa học;

- Thành viên Hội đồng là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

- Ủy viên phản biện là người có kinh nghiệm, chuyên môn sâu trong lĩnh vực mà nhiệm vụ được xem xét.

b) Đối với các nhiệm vụ KH&CN phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Các chuyên gia, các uỷ viên phản biện tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh tương ứng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cử thư ký hành chính giúp việc cho các Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia (nếu có) tối thiểu là 05 ngày làm việc trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp. Tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng, gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng;
- b) Trích lục danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được phê duyệt;
- c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp;
- d) Mẫu Phiếu nhận xét (vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

- a) Phiên họp Hội đồng phải được tổ chức chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được xác nhận là hợp lệ (theo ngày ghi trong Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh);
- b) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, 02 uỷ viên phản biện và uỷ viên thư ký khoa học. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng, trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp. (Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

6. Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá độc lập, trung thực, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

7. Hội đồng đánh giá, chấm điểm độc lập từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm quy định. Các nhóm tiêu chí đánh giá theo thang điểm tối đa 100 điểm. Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên; trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm). Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn. Đối với các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.

b) Được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt (trong đó có ít nhất 01 ủy viên phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

9. Hội đồng kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp

a) Những điểm cần loại bỏ, sửa đổi, bổ sung trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh;

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện;

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

10. Thư ký khoa học ghi và hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng (Mẫu biên bản họp Hội đồng vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

11. Hội đồng thông qua Biên bản họp Hội đồng.

12. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo kết quả gửi các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi họp Hội đồng và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành thẩm định kinh phí.

Điều 18. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN (gọi tắt là Tổ thẩm định). Tổ thẩm định có 05 thành viên và 01 thư ký hành chính, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; Tổ phó Tổ thẩm định là đại diện Sở Tài chính; 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc đại diện ủy viên

phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; 01 thành viên là đại diện phòng chuyên môn; 01 thành viên là kế toán thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN phức tạp, đặc thù hoặc theo yêu cầu thực tiễn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác với quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chậm nhất là 10 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Tổ thẩm định. Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp và phải có mặt ít nhất 04/05 thành viên, trong đó phải có thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trình bày những nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng tại phiên đánh giá hồ sơ, trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định, đề xuất chấp nhận phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

4. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Tổ thẩm định đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, dự toán kinh phí của nhiệm vụ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia (nếu có); kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết);

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

5. Thư ký hành chính giúp Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định (Mẫu biên bản thẩm định vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 19. Phê duyệt nhiệm vụ và ký hợp đồng KH&CN cấp tỉnh

1. Chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện hồ sơ và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày họp Tổ thẩm định.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và

Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Chủ tịch UBND tỉnh giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ (Mẫu hợp đồng vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phải tiến hành ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ.

Điều 20. Lưu giữ hồ sơ gốc và quản lý thông tin nhiệm vụ KH&CN

1. Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, Thư ký hành chính của các Hội đồng có trách nhiệm tổng hợp tài liệu (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu trữ theo quy định hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Thư ký hành chính và các tổ chức, cá nhân liên quan phải tuân thủ các quy định về quy trình tuyển chọn, giao trực tiếp giữ bí mật các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

Điều 21. Hủy quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trong thời gian kể từ ngày quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 6 Quy định này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

Mục 3

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 22. Kiểm tra, báo cáo, đánh giá thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

2. Định kỳ hàng quý và đột xuất khi có yêu cầu kể từ thời điểm Hợp đồng có hiệu lực, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ và kèm theo hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng đã hoàn thành. (Báo cáo định kỳ và các tài liệu liên quan vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan, cơ quan đề xuất đặt hàng (nếu có) tổ chức kiểm tra định kỳ một (01) năm một (01) lần hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng đã ký; trường hợp kiểm tra đột xuất sẽ thông báo cho tổ chức chủ trì trước 03 ngày làm việc.

4. Trường đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý cần thiết. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) và là căn cứ để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét việc đình chỉ hoặc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung và thanh lý hợp đồng.

Điều 23. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì được chủ động quyết định điều chỉnh

a) Điều chỉnh nội dung đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình;

b) Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau: Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục; bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế); chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 06 tháng; chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao; chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra,

thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác. Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 Quy định này;

c) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế;

d) Điều chỉnh dự toán kinh phí từng phần trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định;

đ) Điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước và không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu đã được phê duyệt. Sau điều chỉnh, việc mua sắm nguyên vật liệu thực hiện theo quy định hiện hành;

e) Điều chỉnh nội dung, thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ. Mọi trường hợp điều chỉnh đoàn ra không được tăng tổng kinh phí chi cho mục đoàn ra đã được phê duyệt.

Việc điều chỉnh của Tổ chức chủ trì phải có văn bản đề nghị gửi Sở Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến thống nhất.

2. Chủ tịch UBND tỉnh giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định điều chỉnh

a) Điều chỉnh dự toán các khoản kinh phí trong tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ. Việc gia hạn thời gian chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

Việc điều chỉnh phải có văn bản báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh

a) Tổ chức chủ trì trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sát nhập, chia tách, giải thể tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần. Không điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng;

c) Điều chỉnh kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ;



d) Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ (đối với các trường hợp không thuộc điểm c Khoản 2 Điều này).

4. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng trước khi quyết định điều chỉnh.

Điều 24. Chấm dứt hợp đồng

1. Nhiệm vụ KH&CN đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Đề xuất của chủ nhiệm vụ, tổ chức chủ trì hoặc ý kiến của cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì (nếu có) về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: Nhiệm vụ KH&CN gặp các trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn) và các trường hợp khách quan khác dẫn đến không thể hoàn thành phải được cấp thẩm quyền xem xét quyết định.

3. Chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có sự vi phạm hợp đồng: Các điều kiện theo hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến nhiệm vụ KH&CN không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ KH&CN thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.

4. Chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có căn cứ cho rằng chủ nhiệm vụ KH&CN và tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu.

5. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

6. Tổ chức, cá nhân bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN theo quy định pháp luật.

Điều 25. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ. Nội dung đánh giá, gồm:

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và logic khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là: Mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Đối với sản phẩm là: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

c) Đối với sản phẩm là: Kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

4. Kết quả tự đánh giá, xếp loại theo các mức: "Xuất sắc"; "Đạt" hoặc "Không đạt".

5. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo.

Điều 26. Hồ sơ và nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Thành phần Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được vận dụng theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện.

3. Thời hạn nộp hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện chậm nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 27. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là tổ chuyên gia) được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng) có 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần) và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký Hội đồng. Cơ cấu Hội đồng gồm:

a) 2/3 thành viên là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN;

b) 1/3 thành viên là đại diện của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có liên quan;

c) Cá nhân làm việc tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thể tham gia hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học. Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được tham gia hội đồng;

d) Các thành viên, đặc biệt là các ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh đối với nhiệm vụ KH&CN tương ứng;

đ) Sở Khoa học và Công nghệ cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng;

e) Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện tổ chức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ, cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp tham dự phiên họp của Hội đồng.

4. Tổ chuyên gia có 03 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng.

5. Nội dung đánh giá của Hội đồng là các nội dung tổ chức chủ trì đã tự đánh giá được quy định tại điểm a, b Khoản 1 và điểm a, b Khoản 2 Điều 25 Quy định này.

6. Phiên họp Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

7. Tại phiên họp Hội đồng, tổ trưởng tổ chuyên gia báo cáo kết quả thẩm định đối với nhiệm vụ (nếu có); các ủy viên phản biện đọc phiếu nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ (Phiếu nhận xét vận dụng mẫu ban

hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ); Ủy viên thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có); các thành viên Hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ.

8. Hội đồng đánh giá theo tiêu chí trong phiếu đánh giá (Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) và bỏ phiếu xếp loại theo các mức: "Xuất sắc"; "Đạt" hoặc "Không đạt".

a) Mức "Xuất sắc" nếu nhiệm vụ có ít nhất $\frac{3}{4}$ số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức "Xuất sắc" và không có thành viên đánh giá ở mức "Không đạt";

b) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn $\frac{1}{3}$ số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức "Không đạt";

c) Mức "Đạt" nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b Khoản này.

Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại "Không đạt", Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân "Không đạt" (chủ quan, khách quan). Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

9. Biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do ủy viên thư ký khoa học ghi và hoàn thiện theo ý kiến kết luận tại phiên họp của hội đồng (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Ý kiến kết luận của Hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 28. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đánh giá ở mức "Đạt" trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng nghiệm thu và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá mức "Đạt" trở lên sẽ được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN bị đánh giá mức "Không đạt", Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng nghiệm thu về các lý do chủ quan, khách quan, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý đối với các nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành.



3. Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có kết quả thực hiện nhiệm vụ bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ không đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

Điều 29. Đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

2. Việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 30. Thanh lý hợp đồng

1. Trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 24 Quy định này: Việc thanh lý Hợp đồng được thực hiện sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký, lưu giữ kết quả và Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Trường hợp quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7, Điều 24 Quy định này: Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

Mục 4

QUẢN LÝ KINH PHÍ ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 31. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh.

2. Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng dự toán chi đối với các nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp đã được UBND tỉnh phê duyệt và dự trù kinh phí chi cho nhiệm vụ mở mới của năm sau gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 32. Lập, thẩm tra, phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh căn cứ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, khối lượng thực hiện gắn với sản phẩm cụ thể và định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo đúng chế độ quy định.

Điều 33. Chi, kiểm soát chi và quyết toán

1. Chi và kiểm soát chi kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ khoán kinh phí nhiệm vụ KH&CN và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 34. Xử lý đối với trường hợp nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành

Đối với trường hợp nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

Điều 35. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước

Việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương III

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Mục 1

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 36. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN

1. Hàng năm, thủ trưởng cấp cơ sở thông báo cho các tổ chức, cá nhân trực thuộc đơn vị mình đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (Mẫu đề xuất vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKH-CN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

2. Bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cơ sở tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ KH&CN do tổ chức, cá nhân đề xuất trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở xem xét.

Điều 37. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên cơ sở thảo luận các nhiệm vụ được đề xuất với các tiêu chí: Tính cấp thiết, tính mới, tính khả thi, khả năng ứng dụng và khả năng huy động nguồn lực để triển khai thực hiện.

3. Tùy thuộc vào lĩnh vực và tính chất của các nhiệm vụ được đề xuất, thủ trưởng cấp cơ sở quyết định số lượng và thành phần Hội đồng, nhưng tối đa không quá 07 thành viên, gồm: Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên, trong đó có 01 ủy viên là thư ký Hội đồng.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, thư ký Hội đồng và 02 ủy viên phản biện;

b) Hội đồng nhận xét, đánh giá bỏ phiếu đối với từng nhiệm vụ KH&CN được đề xuất. Phiếu nhận xét và phiếu đánh giá được vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKH&CN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Hội đồng bỏ phiếu lựa chọn nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo hai hình thức: “Đề nghị thực hiện” và “Đề nghị không thực hiện”;

Nhiệm vụ KH&CN được “Đề nghị thực hiện” khi tất cả các nội dung trong phiếu đánh giá được đánh giá đạt yêu cầu và “Đề nghị không thực hiện” khi một trong các nội dung đánh giá được đánh giá không đạt yêu cầu.

d) Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị thực hiện khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt bỏ phiếu thông qua;

đ) Phiên họp Hội đồng phải được lập thành biên bản (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKH&CN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

5. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;

b) Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét;

c) Các thành viên Hội đồng đánh giá các đề xuất và bỏ phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ KH&CN;

d) Thư ký Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng;

đ) Chủ tịch Hội đồng kết luận những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi (nếu có).

Điều 38. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ vào kết quả tư vấn của Hội đồng, bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cơ sở tổng hợp danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được đề nghị thực hiện (tên, mục tiêu, dự kiến sản phẩm đạt được, dự kiến thời gian thực hiện, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) trình thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được phê duyệt phải thông báo đến các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị cấp cơ sở; đồng thời, gửi cho Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, quản lý.

Mục 2

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 39. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được áp dụng đối với nhiệm vụ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện; đồng thời tổ chức, cá nhân không đáp ứng các điều kiện đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đối với các nhiệm vụ đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ; hoặc các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có đủ khả năng thực hiện và đáp ứng các điều kiện đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

Điều 40. Hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được vận dụng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cơ sở. Thời hạn và địa chỉ nộp hồ sơ theo thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 41. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Sau khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ, thủ trưởng cấp cơ sở thành lập Tổ mở hồ sơ đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được đề nghị thực hiện dưới hình thức tuyển chọn.

2. Tổ mở hồ sơ có trách nhiệm mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 40 Quy định này.

3. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 42. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp có nhiệm vụ xét duyệt hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên cơ sở đánh giá tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung thực hiện, tính hiệu quả, khả năng ứng dụng, sản phẩm đạt được,....

3. Tùy thuộc vào tính chất và lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở mà thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành phần của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, nhưng tối đa không quá 07 thành viên.

4. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm và thành viên thuộc tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN không được tham gia Hội đồng.

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, 02 ủy viên phản biện và 01 thành viên là thư ký Hội đồng;

b) Hội đồng bỏ phiếu đánh giá cho từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí, thang điểm được quy định cụ thể tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện là hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên;

d) Phiên họp Hội đồng phải được lập thành biên bản (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

6. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;

b) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ báo cáo tóm tắt thuyết minh nhiệm vụ;

c) Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét (Phiếu nhận xét vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ);

d) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có);

đ) Hội đồng tiến hành thảo luận để thống nhất nội dung kết luận của Hội đồng, các thành viên Hội đồng cho điểm đánh giá thuyết minh nhiệm vụ (Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ);

e) Thư ký công bố điểm trung bình của các thành viên Hội đồng;

g) Chủ tịch Hội đồng kết luận những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi (nếu có) trong thuyết minh nhiệm vụ, thời gian chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn chỉnh thuyết minh và kết thúc phiên họp Hội đồng.

7. Sau khi kết thúc phiên họp Hội đồng, đơn vị cấp cơ sở có văn bản thông báo kết quả gửi các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi họp Hội đồng và gửi về bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cấp cơ sở để tiến hành thẩm định kinh phí.

Điều 43. Tổ thẩm định kinh phí

1. Thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

2. Số lượng và thành phần của Tổ thẩm định kinh phí do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định nhưng không quá 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở; tổ phó là đại diện bộ phận phụ trách tài chính của đơn vị cấp cơ sở; 01 thành viên là đại diện Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và các thành viên khác theo quyết định của thủ trưởng cấp cơ sở.

3. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định:

a) Tổ thẩm định đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, dự toán kinh phí của nhiệm vụ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí công cho các thành viên thực hiện; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp;

đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết);

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

4. Việc thẩm định kinh phí phải được lập thành biên bản (Mẫu biên bản thẩm định vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 44. Phê duyệt và ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trong thời hạn 10 ngày và gửi về bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cơ sở để tổng hợp.

2. Thủ trưởng cấp cơ sở có trách nhiệm gửi hồ sơ các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét và có ý kiến bằng văn bản, làm cơ sở cho Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Hồ sơ bao gồm:

a) Công văn của thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

b) Thuyết minh chi tiết các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

c) Biên bản họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ phải có ý kiến bằng văn bản gửi thủ trưởng cấp cơ sở.

4. Sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, thủ trưởng cấp cơ sở phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ.

Mục 3

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 45. Kiểm tra, báo cáo, đánh giá thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

2. Định kỳ hàng quý và đột xuất khi có yêu cầu kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm

báo cáo thủ trưởng cấp cơ sở về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ và kèm theo hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng đã hoàn thành (Báo cáo định kỳ và các tài liệu liên quan vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

3. Định kỳ mỗi năm 01 lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu, thủ trưởng cấp cơ sở tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng đã ký; đồng thời báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cho Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/11 hàng năm.

Điều 46. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cần điều chỉnh một số nội dung trong thuyết minh nhiệm vụ thì phải có văn bản gửi thủ trưởng cấp cơ sở để xem xét, quyết định điều chỉnh.

2. Các nội dung được phép điều chỉnh:

a) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ nhưng không quá 06 tháng và chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng 01 tháng.

b) Điều chỉnh dự toán kinh phí nhưng không làm phát sinh tăng thêm kinh phí được duyệt từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học.

c) Điều chỉnh một số nội dung nhưng không làm thay đổi mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ.

Điều 47. Hồ sơ và nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

1. Thành phần hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được vận dụng theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được nộp trực tiếp hoặc gửi bằng đường bưu điện về đơn vị cấp cơ sở qua bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cấp cơ sở. Việc nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN thực hiện chậm nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

Điều 48. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch và các thành viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và 01 ủy viên thư ký Hội đồng. Các thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thì được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu đối với nhiệm vụ KH&CN tương ứng.

3. Cá nhân làm việc tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thể tham gia Hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy

viên thư ký Hội đồng. Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được tham gia Hội đồng.

4. Hội đồng đủ điều kiện họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, 2 ủy viên phản biện và 01 ủy viên thư ký Hội đồng.

5. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu có nhiệm vụ:

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (gọi tắt là báo cáo tổng hợp): Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lôgic của báo cáo (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, quy trình kỹ thuật ứng dụng của nhiệm vụ KH&CN) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN so với yêu cầu của thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

6. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng:

Hội đồng đánh giá theo tiêu chí trong phiếu đánh giá (Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) và bỏ phiếu xếp loại theo các mức: "Xuất sắc"; "Đạt" hoặc "Không đạt".

a) Mức "Xuất sắc" nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức "Xuất sắc" và không có thành viên đánh giá ở mức "Không đạt";

b) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức "Không đạt";

c) Mức "Đạt" nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b Khoản này.

7. Trình tự làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;

b) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ báo cáo tóm tắt tổng kết nhiệm vụ;

c) Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét (Phiếu nhận xét vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ);

d) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có);

đ) Hội đồng tiến hành thảo luận để thống nhất nội dung kết luận của Hội đồng, các thành viên Hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ);

e) Thư ký công bố kết quả của các thành viên Hội đồng;

g) Chủ tịch Hội đồng kết luận những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi trong báo cáo tổng kết (nếu có) và thời hạn hoàn chỉnh báo cáo tổng kết theo yêu cầu của Hội đồng; Thư ký Hội đồng hoàn thiện biên bản (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ);

h) Kết luận của Hội đồng được bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cơ sở gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ.

Điều 49. Đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Quy định này.

2. Thủ trưởng cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (Mẫu Quyết định vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 50. Thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản

1. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn: Căn cứ quyết định chấm dứt hợp đồng, thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở thực hiện thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được thanh lý sau khi có quyết định công nhận kết quả của thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở và giấy chứng nhận đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 51. Quản lý kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Đối với các sở, ban, ngành: Sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

b) Đối với UBND các huyện, thành phố: Sử dụng nguồn ngân sách của địa phương để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Sử dụng một phần kinh phí Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để cùng với kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh thực hiện đề tài cấp cơ sở (trừ các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao), cụ thể:

- Đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư, bố trí 50%/tổng dự toán thực hiện đề tài cấp cơ sở.

- Đối với đơn vị tự đảm bảo 100% chi thường xuyên, bố trí 30%/tổng dự toán thực hiện đề tài cấp cơ sở.

- Đối với đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, bố trí 10%/tổng dự toán thực hiện đề tài cấp cơ sở.

2. Việc lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Định mức xây dựng dự toán, quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được thực hiện theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các quy định tài chính hiện hành, định mức kinh tế kỹ thuật của các ngành thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN và các quy định khác có liên quan.

4. Thủ trưởng cấp cơ sở chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định dự toán và quản lý kinh phí của từng nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định hiện hành.

5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được cấp phát theo tiến độ quy định trong Hợp đồng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 52. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thẩm định kinh phí; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh hợp đồng; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN; xử lý theo thẩm quyền trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhiệm vụ KH&CN nghiệm thu ở mức "Không đạt",...;

b) Mời đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng, đại diện sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

c) Chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

d) Hướng dẫn các văn bản pháp luật của Nhà nước, các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN một cách thống nhất trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì và phối hợp với các bên liên quan chuyên giao kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn;

e) Báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN;

g) Lưu giữ hồ sơ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: Căn cứ vào đề xuất của thủ trưởng cấp cơ sở tại Khoản 2 Điều 44 Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét và có ý kiến bằng văn bản để làm cơ sở cho Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở từ nguồn ngân sách sự nghiệp của đơn vị cấp cơ sở.

Điều 53. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Căn cứ vào dự toán ngân sách Trung ương phân bổ và trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh hàng năm theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trước khi trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, cân đối kinh phí trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 54. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp; mở hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn và Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tiếp nhận và chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do cơ quan đề xuất đặt hàng vào thực tiễn. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kết quả ứng dụng (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

Điều 55. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, chủ động đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát và đôn đốc các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ triển khai thực hiện nhiệm vụ

KH&CN trên địa bàn hoặc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của sở, ngành, địa phương mình thực hiện đúng những cam kết trong Hợp đồng.

3. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN thực hiện có kết quả các nhiệm vụ KH&CN được giao.

4. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện và hiệu quả ứng dụng của các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do sở, ban, ngành, địa phương mình chủ trì thực hiện. Tổ chức tiếp nhận và có kế hoạch tuyên truyền phổ biến, khai thác sử dụng, nhân rộng kết quả nhiệm vụ KH&CN do mình đề xuất đặt hàng hoặc thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kết quả ứng dụng KH&CN (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

Điều 56. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định hiện hành. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải được Sở Khoa học và Công nghệ chấp thuận bằng văn bản.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo khoản 2 Điều 22 Quy định này. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện



nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thành các bước đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Quy định này.

9. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

10. Cùng chủ nhiệm nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

11. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1, Điều 29 Quy định này.

12. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

13. Tổ chức quản lý, khai thác các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

15. Kết quả của nhiệm vụ KH&CN do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 57. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký.

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (mỗi quý một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết KH&CN và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.



7. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu KH&CN. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm KH&CN và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

8. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước.

9. Cùng tổ chức chủ trì nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

Điều 58. Trách nhiệm của tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện đối với các hồ sơ nhiệm vụ được cung cấp.

2. Có ý kiến về những nội dung đánh giá, các yêu cầu cần bổ sung hoàn thiện và hoàn thành báo cáo tư vấn theo yêu cầu nội dung tư vấn về nhiệm vụ.

3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập phải giữ bí mật thông tin về nhiệm vụ được giao.

4. Không được trao đổi với chủ nhiệm, tổ chức chủ trì nhiệm vụ về các vấn đề có liên quan đến nội dung, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 59. Trách nhiệm của thành viên các Hội đồng

1. Thành viên các Hội đồng có trách nhiệm

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét về nhiệm vụ theo yêu cầu trên phiếu nhận xét trước khi tổ chức họp Hội đồng;

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc nhận xét, đánh giá;

c) Nhận xét, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình;

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu trữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) được ủy quyền ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm sau:

a) Báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá của Hội đồng theo yêu cầu của cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN;

b) Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

3. Thư ký khoa học ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng.

Điều 60. Trách nhiệm, quyền hạn của thủ trưởng cấp cơ sở

1. Quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí và các Hội đồng tư vấn tại đơn vị cấp cơ sở gồm: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

2. Gửi hồ sơ các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN xét chọn về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/5 hàng năm để Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến, làm cơ sở cho Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Phê duyệt, quản lý việc tổ chức thực hiện và triển khai ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của đơn vị.

4. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) về tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 30/5, báo cáo năm gửi trước ngày 30/11 hàng năm).

Điều 61. Trách nhiệm của Tổ thẩm định kinh phí

1. Các thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định, đồng thời có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

2. Báo cáo bằng văn bản và đề xuất phương án xử lý các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định nội dung và kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cho thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, quyết định.

Điều 62. Trách nhiệm, quyền hạn của bộ phận tham mưu quản lý hoạt động KH&CN cơ sở

1. Tổng hợp và kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ: Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ KH&CN; hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp; hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

2. Trình thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, phê duyệt danh mục đề xuất nhiệm vụ KH&CN; phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Phối hợp với các bộ phận liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát; đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ; thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 63. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xét và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN vi phạm Quy định này sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức KH&CN; các doanh nghiệp và tổ chức liên quan áp dụng Quy định này để quản lý nhiệm vụ KH&CN theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất với UBND tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng